

Số: 3110/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/2017/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 03 (ba) phân bón lưu hành tại Việt Nam (*Danh sách kèm theo*) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty TNHH sản xuất vôi lân Thành Lợi

Địa chỉ: Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0949528024

Mã số doanh nghiệp: 2700669199

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2020 đến ngày 14 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

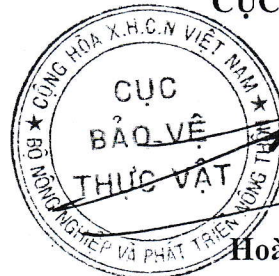
Nơi nhận:

- Như Điều 3; UBND PHƯỜNG BƯỞI, Q.TÂY HỒ, HN
- Lưu: QL PB

30-07-2020

SỐ CHỨNG THỰC 3110 QUYẾT ĐỊNH 3110/SCT/BS

UBND PHƯỜNG BƯỞI



CỤC TRƯỞNG

Hoàng Trung

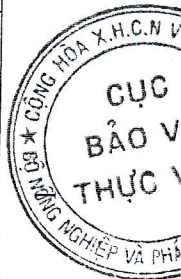
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Chuẩn

DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT LÂN VÔI THÀNH LỢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3110/QĐ-BVTV-PB ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng ^(*)	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1	Phân bón hữu cơ	Acronic Thành Lợi	23795	Bón rãnh ^(b,h)	1. Cây lương thực: - Bón lót: 1.200-1.500 kg/ha/vụ. Bón trước khi gieo trồng từ 5-7 ngày. - Bón thúc: 1.500-2.000 kg/ha/vụ. Chia bón 2 lần từ sau khi gieo trồng 30 - 35 ngày, mỗi lần cách nhau 10-15 ngày 2. Rau màu: 900-1.000 kg/ha/vụ. Chia bón 3 lần từ sau khi trồng 8-10 ngày, mỗi lần cách nhau 5-10 ngày. 3. Cây công nghiệp: 1.500-2.000 kg/ha/lần. Bón 2 lần/năm vào đầu và cuối mùa mưa (tháng 3-4 và tháng 7-8), tùy theo thổ nhưỡng và giai đoạn phát triển của cây. 4. Cây ăn quả: 900-1.000 kg/ha/năm, chia bón 2 lần khi cây bắt đầu ra hoa và sau khi thu hoạch quả. 5. Cây hoa, cây cảnh: 1.000-1.200 kg/ha/vụ. Chia bón 4 lần từ sau khi trồng 8-10 ngày, mỗi lần cách nhau 7-10 ngày.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
2	Phân bón hữu cơ	ARUS Thành Lợi	23796	Bón rãnh ^(b,h)	1. Cây lương thực: - Bón lót: 1.000-1.200 kg/ha/vụ. Bón trước khi gieo trồng từ 5-7 ngày. - Bón thúc: 1.200-1.500 kg/ha/vụ. Chia bón 2 lần từ sau khi gieo trồng 30 - 35 ngày, mỗi lần cách nhau 10-15 ngày 2. Rau màu: 700-900 kg/ha/vụ. Chia bón 3 lần từ sau khi trồng 8-10 ngày, mỗi lần cách nhau 5-10 ngày.	36 tháng kể từ ngày sản xuất



THÀNH LỢI

3	Phân bón hữu cơ	ARESS Thành Lợi	23797	Axit humic (C): 1,5%; Tỷ lệ C/N: 4; pH_{H2O}: 5; Độ ẩm: 30%. hữu cơ: 22%; Đạm tổng số (N_{ts}): 1,5%; Tỷ lệ C/N: 7; pH_{H2O}: 5; Độ ẩm: 30%.	Bón rế ^(b,h)	3. Cây công nghiệp: 1.200-1.500 kg/ha/lần. Bón 2 lần/năm vào đầu và cuối mùa mưa (tháng 3-4 và tháng 7-8), tùy theo thổ nhưỡng và giai đoạn phát triển của cây. 4. Cây ăn quả: 600-800 kg/ha/năm, chia bón 2 lần khi cây bắt đầu ra hoa và sau khi thu hoạch quả. 5. Cây hoa, cây cảnh: 800-1.000 kg/ha/vụ. Chia bón 4 lần từ sau khi trồng 8-10 ngày, mỗi lần cách nhau 7-10 ngày. 1. Cây lương thực: - Bón lót: 1.000-1.200 kg/ha/vụ. Bón trước khi gieo trồng từ 5-7 ngày. - Bón thúc: 1.200-1.500 kg/ha/vụ. Chia bón 2 lần từ sau khi gieo trồng 30 - 35 ngày, mỗi lần cách nhau 10-15 ngày 2. Rau màu: 700-900 kg/ha/vụ. Chia bón 3 lần từ sau khi trồng 8-10 ngày, mỗi lần cách nhau 5-10 ngày. 3. Cây công nghiệp: 1.200-1.500 kg/ha/lần. Bón 2 lần/năm vào đầu và cuối mùa mưa (tháng 3-4 và tháng 7-8), tùy theo thổ nhưỡng và giai đoạn phát triển của cây. 4. Cây ăn quả: 600-800 kg/ha/năm, chia bón 2 lần khi cây bắt đầu ra hoa và sau khi thu hoạch quả. 5. Cây hoa, cây cảnh: 800-1.000 kg/ha/vụ. Chia bón 4 lần từ sau khi trồng 8-10 ngày, mỗi lần cách nhau 7-10 ngày.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
---	--------------------	--------------------	-------	--	-------------------------	---	---------------------------------------

Ghi chú: (*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện trên bao bì, nhãn mác;

(**) Viết tắt dạng phân bón: ^(b) - dạng bột; ^(h) - dạng hạt.

